

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 24/9/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Trường và bà Phan Thị Thúy Hằng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Rum Ba - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13- Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13-Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Công Đồ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 –Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (viết tắt OCB).

Địa chỉ: 4 L, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Việt H – nhân viên ngân hàng (theo giấy ủy quyền số 131b ngày 04/7/2024; quyết định ủy quyền số 102/2024/UQ-OCB ngày 09/4/2024 và quyết định ủy quyền số 15/2024/UQ-CT-HĐQT ngày 06/5/2024, giấy ủy quyền số 0500/2025 ngày 23/9/2025);

Địa chỉ: Số C đường F, phường N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Ngân hàng TMCP P trình bày:

Bị đơn Nguyễn Văn T1 có vay tín dụng của ngân hàng Thương Mại Cổ phần P (viết tắt là ngân hàng O) bằng các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng thứ nhất số 1057/2022/PHD/HĐTD ngày 27/9/2022 và 03 khế ước nhận nợ gồm: khế ước nhận nợ số 1057.01/2022/PHD/KUNN ngày 10/10/2022 nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng, tại khế ước nhận nợ số 1057.02/2022/PHD/KUNN ngày 13/10/2022 nhận nợ số tiền 380.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số, tại khế ước nhận nợ số 1057.03/2022/PHD/KUNN ngày 18/10/2022 nhận nợ số tiền 1.020.000.000 đồng. Tổng cộng, bị đơn đã vay tổng số tiền 1.600.000.000 đồng, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất trong hạn 15%/năm cố định trong 6 tháng đầu, sau đó điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng 01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Hợp đồng tín dụng thứ hai số 0524/2023/PHD/HĐTD ngày 13/6/2023, khế ước nhận nợ số 0524.01.2023/PHD/KUNN ngày 13/6/2023 vay vốn số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất 13,3%/năm trong 3 tháng đầu, sau đó điều chỉnh theo định kỳ 06 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tổng cộng số tiền vay 02 hợp đồng tín dụng là 1.900.000.000 đồng.

Vay thẻ tín dụng hợp đồng số 1165 ngày 28/9/2022, số tiền vay 80.000.000 đồng.

Để đảm bảo khoản vay này, bị đơn Nguyễn Văn T1 đã thế chấp bằng quyền sử dụng đất thửa số 712, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.000m², loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc T3, xã C, tỉnh Khánh Hòa, đứng tên ông Hoàng Văn D, sinh năm 1972; Địa chỉ Thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (cũ) đã chuyển nhượng và đăng ký biến động vào ngày 03/10/2022 hợp đồng thế chấp số 1057/2022/PHD/HĐTC-QPS ngày 27/9/2022 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 1057.01/2023/PHD/PLHĐTC ngày 13/6/2023. Ngân hàng đã đăng ký biến động thế chấp ngày 05/10/2022.

Quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn đã thực hiện trả nợ đến ngày 10/11/2023 thì trả nợ gốc lãi kỳ cuối, sau đó không phát sinh trả nợ định kỳ hàng tháng nữa. Tổng cộng bị đơn đã trả được số tiền 362.565.171 đồng (trong đó 86.870.939 đồng tiền gốc và 275.694.232 đồng tiền lãi). Tính đến ngày 20/8/2025 bị đơn còn nợ của ngân hàng số tiền 2.392.151.196 đồng trong đó nợ gốc 1.798.144.061 đồng, nợ lãi 449.068.292 đồng, nợ thẻ tín dụng 144.938.843 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện toàn bộ trả nợ toàn bộ khoản vay, vì đã vi phạm hợp đồng thế chấp, nếu bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ đề nghị phát mãi tài sản thế chấp.

Bị đơn Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không đến Tòa để tham gia tố tụng. Tại biên làm việc ngày 07/8/2025 thì bà Lê Thị T2, sinh năm 1970 địa chỉ: Thôn Đ, xã P, tỉnh Đắk Lắk (mẹ ruột) Nguyễn Văn T1 trình bày, T1 có vay nợ ngân hàng TMCP P chi nhánh

N, nhưng do T1 làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả nợ. Hiện nay, T1 đi làm ăn xa, không đến Tòa để giải quyết được.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa nhưng các đương sự vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T1 trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 24/9/2025 là 2.422.990.323 đồng (trong đó nợ gốc 1.798.144.061 đồng, lãi 5476.005.775 đồng; thẻ tín dụng là 148.840.487 đồng) và lãi phát sinh tiếp theo. Nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để nguyên đơn thu hồi nợ.

Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn chấp hành không đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nguyên đơn số tiền tính đến ngày xét xử 24/9/2025 là 2.422.990.323 đồng (trong đó nợ gốc 1.798.144.061 đồng, lãi 5476.005.775 đồng; thẻ tín dụng là 148.840.487 đồng) và lãi phát sinh tiếp theo đồng. Nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 712, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.000m², loại đất trồng cây hàng năm khác địa chỉ thôn S, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa nay là thôn S, xã S, tỉnh Khánh Hòa theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng OCB khởi kiện hợp đồng tín dụng với bị đơn Nguyễn Văn T1 có địa chỉ tại huyện P, tỉnh Phú Yên nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13-Đắk Lắk theo quy định tại Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 và Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tòa án căn cứ theo Điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Xét các yêu cầu khởi kiện trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Giữa ngân hàng O và bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có tự nguyện giao kết với nhau bằng các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng thứ nhất số 1057/2022/PHD/HĐTD ngày 27/9/2022 và 03 khế ước nhận nợ gồm: khế ước nhận nợ số 1057.01/2022/PHD/KUNN ngày 10/10/2022 nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng, tại khế ước nhận nợ số 1057.02/2022/PHD/KUNN ngày 13/10/2022 nhận nợ số tiền 380.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số, tại khế ước nhận nợ số 1057.03/2022/PHD/KUNN ngày 18/10/2022 nhận nợ số tiền 1.020.000.000 đồng. Tổng cộng, bị đơn đã vay tổng số tiền 1.600.000.000 đồng, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất trong hạn 15%/năm cố định trong 6 tháng đầu, sau đó điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng 01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Hợp đồng tín dụng thứ hai số 0524/2023/PHD/HĐTD ngày 13/6/2023, kèm khế ước nhận nợ số 0524.01.2023/PHD/KUNN ngày 13/6/2023 vay vốn số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất 13,3%/năm trong 3 tháng đầu, sau đó điều chỉnh theo định kỳ 06 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tổng cộng số tiền vay 02 hợp đồng tín dụng là 1.900.000.000 đồng
Vay thẻ tín dụng hợp đồng số 1165 ngày 28/9/2022, số tiền là 80.000.000 đồng.

Quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn đã thực hiện trả nợ hàng tháng đến ngày 10/10/2023 thì trả nợ gốc lãi kỳ cuối, sau đó không phát sinh trả nợ định kỳ hàng tháng nữa. Tổng cộng bị đơn đã trả được số tiền 362.565.171 đồng (trong đó 86.870.939 đồng tiền gốc và 275.694.232 đồng tiền lãi). Tính đến ngày xét xử 24/9/2025 bị đơn còn nợ của ngân hàng số tiền là 2.422.990.323 đồng (trong đó nợ gốc 1.798.144.061 đồng, lãi 5476.005.775 đồng; thẻ tín dụng là 148.840.487 đồng). Quá trình nguyên đơn khởi kiện, bị đơn mặc dù được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhiều lần, nhưng vắng mặt tại phiên tòa là cố tình vắng mặt và từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

Tính đến ngày 10/11/2023 bị đơn không thực hiện các nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo như hợp đồng tín dụng đã giao kết là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, ngân hàng đã chuyển sang tính lãi suất quá hạn và có thông báo khoản nợ quá hạn thanh toán 136 ngày từ ngày 09/4/2024 sau ngày này ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn theo như điểm g khoản 1 Điều 8 Hợp đồng tín dụng có nội dung thỏa thuận “*OCB được quyền quyết định ngưng cho vay hoặc chấm dứt cho vay hoặc thu hồi nợ trước hạn khi bên vay phát sinh trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng...*” tại các khế ước nhận nợ, bị đơn thỏa thuận trả gốc và lãi cho OCB theo định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 10 của tháng. Lãi suất quá hạn theo thỏa thuận từ hợp đồng tín dụng là 150%/năm lãi suất trong hạn.

Bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng, trong đó việc tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 100, 102, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 nên được chấp nhận.

[3] xét yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Để đảm bảo khoản vay 1.600.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 1057/2022/PHD/HĐTD ngày 27/9/2022, bị đơn Nguyễn Văn T1 đã thế chấp bằng quyền sử dụng đất thửa số 712, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.000,0m², loại đất trồng cây hàng năm khác; tọa lạc T3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã C, tỉnh Khánh Hòa) đứng tên ông Hoàng Văn D, sinh năm 1972; Địa chỉ Thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã S, tỉnh Khánh Hòa) đã chuyển nhượng và đăng ký biến động vào ngày 03/10/2022 hợp đồng thế chấp số 1057/2022/PHD/HĐTC-QPS ngày 27/9/2022 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 1057.01/2023/PHD/PLHĐTC ngày 13/6/2023, ngân hàng đã đăng ký biến động thế chấp vào ngày 05/10/2022.

Tuy nhiên, tại Điều 1 Hợp đồng thế chấp ngày 27/9/2022 có nội dung bên thế chấp đồng ý thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu bên mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bên chế chấp bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ: hợp đồng tín dụng số 1057/2022/PHD/HĐTD ngày 27/9/2022 và các hợp đồng tín dụng khác ký kết giữa bên thế chấp và bên vay vốn với OCB trong khoảng thời gian từ ngày 27/9/2022 đến ngày 27/9/2027. Theo đó, hợp đồng tín dụng số 0524/2023/PHD/HĐTD ngày 13/6/2023 vay số tiền 300.000.000 đồng và hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ký ngày 28/9/2022 vay số tiền 80.000.000 đồng đều thuộc nghĩa vụ trả nợ của bị đơn với OCB trong thời gian thỏa thuận được dùng tài sản bảo đảm để xử lý các nghĩa vụ vay này.

Theo quyết định ủy thác tư pháp số 01/2025/CV-UTTP ngày 12/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên (cũ) đã ủy thác Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa (cũ) thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 712, tờ bản đồ 18, tọa lạc tổ dân phố Y, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm (cũ) thực hiện xác định, thửa đất số 712, tờ bản đồ 18, tọa lạc tổ dân phố Y, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 192982 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 20/7/2022 cho ông Hoàng Văn D đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T1 theo hồ sơ số 010904.CN.001 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C có tứ cận là: Bắc giáp đường N; Nam giáp đường đất; Đông giáp thửa đất 711, tờ bản đồ 18; Tây giáp thửa đất số 713, tờ bản đồ 18; Trên đất không có tài sản gì.

Như vậy, tài sản thế chấp và hợp đồng thế chấp đều thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ điều Khoản 1 Điều 299 BLDS quy định các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm: “*Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được*

bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn để trả các khoản vay của bị đơn nếu bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] về chi phí tố tụng: Căn cứ theo Điều 157 BLTTDS, bị đơn phải chịu 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng chẵn*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn đã nộp đủ, bị đơn có nghĩa vụ nộp hoàn lại cho nguyên đơn số tiền này.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với số tiền 80.460.000 đồng.

[5] Đối với các đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, 228, Điều 273 BLTTDS; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điều 299, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010.

Căn cứ vào các Điều 100, 103, 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần P về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 phải thực hiện các hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 2.422.990.323 đồng (*Hai tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu chín trăm chín mươi nghìn ba trăm hai mươi ba đồng*) (trong đó nợ gốc 1.798.144.061 đồng, lãi 5476.005.775 đồng; thẻ tín dụng là 148.840.487 đồng) cho nguyên đơn là ngân hàng Thương mại cổ phần P, theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Trường hợp bị đơn Nguyễn Văn T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể: đất thửa số 712, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.000m², loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc T3, xã C, tỉnh Khánh Hòa, đứng tên ông Hoàng Văn D, sinh năm 1972; Địa chỉ Thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã S, tỉnh Khánh Hòa) đã chuyển nhượng và đăng ký biến động vào ngày 03/10/2022 cho ông Nguyễn Văn T1 theo hợp đồng thế chấp số 1057/2022/PHD/HĐTC-QPS ngày 27/9/2022 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 1057.01/2023/PHD/PLHĐTC ngày 13/6/2023 đã ký giữa ngân hàng O và bị đơn

Nguyễn Văn T1.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2025) ông Nguyễn Văn T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng giữa Nguyên đơn và bị đơn đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng chẵn*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn đã nộp đủ, bị đơn có nghĩa vụ nộp hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng chẵn*).

Về án phí: Bị đơn Nguyễn Văn T1 phải chịu 80.460.000 đồng (*tám mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền 37.184.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 005105 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13-Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 13-Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 13-Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thu Hiền